

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG TH QUANG TRUNG
Chương 622 loại 490 khoản 492
Mã số ĐVQHNS:

QUYẾT TOÁN

THU - CHI MỘT SỐ KHOẢN THU DỊCH VỤ, PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, DỊCH VỤ PHỤC VỤ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
THEO THỎA THUẬN KỲ II NĂM HỌC 2024 - 2025

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Hạ Long

Căn cứ Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc Quy định một số khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ hướng dẫn số 2593/SGDDT-KHTC ngày 19/9/2023 của Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh “Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động trên các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”

Trường Tiểu học Quang Trung xin Báo cáo quyết toán thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục được triển khai tại trường Tiểu học Quang Trung năm học Kỳ II 2024 -2025 như sau:

STT	Nội dung	Số dư kỳ I năm học 2024-2025	Đơn vị tính	Mức thu	Số HS tham gia	Tổng thu	Tổng chi	Chuyển trả phụ huynh học sinh	Tồn chuyển sang năm học 2025-2026	Ghi chú
I	Khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục									
1	Tổ chức bán trú tại trường									
a	Quản lý HS trong giờ bán trú		Đồng/HS/tháng	138,600	1,037	570,811,500	570,811,500			
	Chi lương trực tiếp cho người quản sinh						456,649,200			
	Chi Quản lí của Ban giám hiệu						34,191,609			
	Kế toán						22,889,541			
	Thuế 2%						57,081,150			
b	Tiền ăn đặt cơm suất									
2	Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng anh có sự tham gia của GV nước ngoài		Đồng/HS/giờ dạy	30,000	865	361,950,000	361,950,000		#VALUE!	
a	77% chi trả cơ sở liên kết						278,701,500			
b	23% chi các nội dung tại trường						83,248,500			
	Chi trả cho giáo viên trợ giảng						14,700,000			
	Chi Quản lí của Ban giám hiệu						21,078,274			

STT	Nội dung	Số dư kỳ I năm học 2024-2025	Đơn vị tính	Mức thu	Số HS tham gia	Tổng thu	Tổng chi	Chuyển trả phụ huynh học sinh	Tồn chuyển sang năm học 2025-2026	Ghi chú
	Chi cho giáo viên chủ nhiệm						14,024,837			
	Kế toán, Thủ quỹ						9,476,965			
	Tiền vệ sinh, Giấy vệ sinh, nước tẩy rửa vệ sinh						8,472,000			
	Điện, Nước sinh hoạt						1,018,424			
	Chi phí tư vấn thảo						3,619,500			
	Chi phí sửa chữa						3,619,500			
	Thuế 2%						7,239,000			
3	Giáo dục kỹ năng sống		Đồng/HS/giờ dạy	15,000	865	362,070,000	362,070,000		0	
a	72% chi trả cơ sở liên kết						260,690,400			
b	28% chi các nội dung tại trường						101,379,600			
	Chi Quản lí của Ban giám hiệu						40,871,879			
	Chi cho giáo viên chủ nhiệm						21,037,914			
	Kế toán, Thủ quỹ						15,840,238			
	Tiền vệ sinh, Giấy vệ sinh, nước tẩy rửa vệ sinh						8,471,602			
	Điện, Nước sinh hoạt						675,167			
	Chi phí tư vấn thảo						3,620,700			
	Chi phí sửa chữa						3,620,700			
	Thuế 2%						7,241,400			
4	Giáo dục STEM		Đồng/HS/giờ dạy	27,000	930	349,596,000	349,596,000		0	
a	77% chi trả cơ sở liên kết						269,188,920			
b	23% chi các nội dung tại trường						80,407,080			
	Chi trả cho giáo viên trợ giảng						14,700,000			
	Chi Quản lí của Ban giám hiệu						21,078,274			
	Chi cho giáo viên chủ nhiệm						14,037,765			
	Kế toán, Thủ quỹ						9,476,965			

STT	Nội dung	Số dư kỳ I năm học 2024-2025	Đơn vị tính	Mức thu	Số HS tham gia	Tổng thu	Tổng chi	Chuyển trả phụ huynh học sinh	Tồn chuyển sang năm học 2025-2026	Ghi chú
	Tiền vệ sinh, Giấy vệ sinh, nước tẩy rửa vệ sinh						6,899,647			
	Điện, Nước sinh hoạt						302,909			
	Chi phí tư vấn thảo						3,459,800			
	Chi phí sửa chữa						3,459,800			
	Thuế 2%						6,991,920			
5	Sổ liên lạc điện tử		Đồng/HS/tháng	10,000	850	21,720,000	21,720,000			
	Tổng cộng					1,666,147,500	1,666,147,500			

Ngày 26 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Hoàng Yến